UBND THỊ XÃ HỒNG LĨNH
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

Số: 08/TB-TCKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hồng Lĩnh, ngày 08 tháng 10 năm 2022

THÔNG BÁO
Niêm yết công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã 9 tháng đầu năm 2022

Thực hiện thông tư 343/2016/TT/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Phòng TCKH thông báo công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã 9 tháng đầu năm 2022.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Thời gian niêm yết công khai từ ngày 08/10/2022 đến ngày 07/11/2022.

Địa điểm niêm yết công khai: Bảng tin trụ sở Ủy ban nhân dân thị xã Hồng Lĩnh và Cổng thông tin điện tử thị xã Hồng Lĩnh.

Vậy, Phòng Tài chính - Kế hoạch công khai để các cơ quan, tổ chức và toàn thể nhân dân trên địa bàn được biết./.

Nơi nhận:
- TT Thị uỷ, TT HĐND thị xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã;
- KBNN Hồng Lĩnh;
- Cổng thông tin điện tử thị xã;
- HĐND, UBND các phường, xã;
- Lưu: TCKH.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HOÀ XHCN VIỆT NAM
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH
TX. HỒNG LĨNH T. HÀ TĨNH

Nguyễn Thái Diễn

UBND THỊ XÃ HỒNG LĨNH
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

Biểu 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2022

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng	So sánh	
				DT	CK
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**Tổng thu NSNN trên địa bàn (1)**	**172.560**	**132.255**	**77**	**139**
1	Thu nội địa	172.560	132.255	77	139
2	Thu từ xuất, nhập khẩu				
3	Thu viện trợ không hoàn lại				
B	**Thu ngân sách địa phương**	**438.684**	**273.666**	**62**	**228**
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	106.560	113.666	107	288
-	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	1.900	1.739	92	3.109
-	Các khoản thu phân chia NSĐP theo tỷ lệ	104.660	111.927	107	284
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	332.124	160.000	48	103
-	Bổ sung cân đối ngân sách	287.124	160.000	56	103
-	Bổ sung có mục tiêu	45.000		0	
C	**Chi ngân sách huyện**	**438.684**	**298.858**	**68**	**104**
1	Chi đầu tư phát triển	65.000	128.297	197	103
2	Chi thường xuyên	368.743	165.916	45	104
3	Dự phòng	4.941	4.645	94	158

UBND THỊ XÃ HỒNG LĨNH
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

Biểu 94/CK-NSNN

PHỤ LỤC
THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

ĐVT: Nghìn đồng

TT	CHỈ TIÊU	Kế hoach năm 2022	TH 9 đầu năm tháng 2022	Tỷ lệ %	
				KH	CK
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn**	**172.560.000**	**130.595.567**	**76**	**196**
I	**Thu nội địa**	**172.560.000**	**130.595.567**		
1	Thu từ xí nghiệp quốc doanh, ngoại tỉnh	100.000	66.679	67	346
2	Thuế ngoài quốc doanh	10.560.000	9.462.994	90	73
3	Thuế sử đụng đất phi NN	1.100.000	51.383	5	433
4	Thuế thu nhập cá nhân	6.000.000	10.502.000	175	170
5	Lệ phí trước bạ	26.500.000	26.208.540	99	94
6	Phí, lệ phí	1.700.000	2.296.804	135	150
7	Tiền thuê đất	23.000.000	2.518.064	11	50
8	Thu khác ngân sách	3.000.000	3.015.489	101	202
9	Thu khác tại phường , xã	300.000	28.337	9	11
10	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	300.000	508.623	170	150
11	Thu tiền cấp quyền SDĐ	100.000.000	75.936.654	76	462,5
B	**Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp**	**106.560.000**	**115.375.000**	**108**	**288**
1	Từ các khoản thu phân chia	1.900.000	1.710.000	90	3.109
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	104.660.000	113.665.000	109	284

UBND THỊ XÃ HỒNG LĨNH
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

Biểu 95/CK-NSNN

THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

ĐVT: Nghìn đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2022	So sánh	
				KH	CK
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH**	**459.150.769**	**298.858.143**	**65**	**104**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**65.000.000**	**128.297.000**	**197**	**105**
1	Nguồn bố trí	65.000.000	128.297.000	197	105
II	**Chi thường xuyên**	**389.209.769**	**165.916.143**	**43**	**103**
1	Chi sự nghiệp kinh tế	116.677.521	5.685.599	5	103
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	119.410.604	62.917.193	53	102
3	Sự nghiệp Môi trường	16.900.000	13.014.795	77	102
4	Chi sự nghiệp Y tế - Dân số	26.457.030	13.649.660	52	105
5	Chi sự nghiệp Văn hóa - Truyền thông	4.718.930	3.351.764	71	103
8	Chi đảm bảo xã hội	13.436.598	12.608.000	97	101
9	Chi quản lý NN, Đảng, Đoàn thể	56.503.929	43.957.194	78	98
10	Chi an ninh - quốc phòng	26.865.199	6.435.691	24	102
-	Chi giữ gìn an ninh và an toàn xã hội	1.123.600	785.940	70	101
-	Chi quốc phòng địa phương	5.274.830	5.649.751	107	103
11	Kinh phí hỗ trợ đào tạo	200.000		0	0
12	Chi khác ngân sách	4.576.135	1.712.750	37	101
12.1	Chi khác ngân sách	1.469.079	1.712.750		
12.2	Chi thực hiện các nhiệm vụ chưa phân bổ về các đơn vị	1.290.000			
13	Kinh phí tăng lương trong năm	700.000			
14	Hỗ trợ hoạt động các đơn vị khối nội chính và các đơn vị trên địa bàn	320.000	320.000	100	160
15	Hỗ trợ vốn cho ngân hàng Chính sách XH	700.000	700.000	100	117
16	Kinh phí kỷ niệm 30 năm thành lập thị xã	1.383.171	1.383.171	100	
17	Kinh phí hoạt động Ban ATGT thị xã	360.652	180.326	50	118
III	**Dự phòng**	**4.941.000**	**4.645.000**	**94**	**158**